DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC CHÍNH QUY ĐỢT 1 LẦN 1 - NĂM 2025

TT	Đơn vị	Số Quyết định	Ngày ký	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Nữ	Tên ngành	Tên chuyên ngành
1	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B1703874	Trần Hữu Lộc	30/09/1999		Bảo vệ thực vật	
2	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B1905110	Trần Hữu Lộc	03/03/2001		Bảo vệ thực vật	
3	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B1905150	Nguyễn Anh Trường	18/02/2001		Bảo vệ thực vật	
4	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B1905208	Nguyễn Hoài Phong	11/01/2001		Bảo vệ thực vật	
5	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2000100	Bùi Quốc Trung	03/01/2001		Bảo vệ thực vật	
6	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2003061	Huỳnh Lý Đạt	30/08/2002		Bảo vệ thực vật	
7	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2003073	Lê Trần Hoàng Khánh	13/11/2002		Bảo vệ thực vật	
8	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2003087	Thái Thị Yến Nhi	01/12/2002	N	Bảo vệ thực vật	
9	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2003100	Nguyễn Đức Thịnh	28/02/2002		Bảo vệ thực vật	
10	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2003115	Vũ Nhật Vy	26/11/2002	N	Bảo vệ thực vật	
11	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2003144	Huỳnh Hồng Anh Kiều	11/02/2002		Bảo vệ thực vật	
12	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2003158	Trần Hữu Phúc	24/05/2002		Bảo vệ thực vật	
13	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2003180	Cao Xuân Vinh	08/01/2002		Bảo vệ thực vật	
14	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2003183	Nguyễn Tùng Xinh	22/09/2002		Bảo vệ thực vật	
15	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2003190	Ngô Thị Ngọc Châu	06/11/2000	N	Bảo vệ thực vật	
16	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2003206	Huỳnh Minh Kha	10/04/2002		Bảo vệ thực vật	
17	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2003207	Nguyễn Thành Khang	24/10/2002		Bảo vệ thực vật	
18	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2003217	Phạm Gia Mỹ	30/05/2002	N	Bảo vệ thực vật	
19	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2003251	Phạm Thanh Xuyên	12/02/2002		Bảo vệ thực vật	
20	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2011150	Nguyễn Quốc Anh	15/10/2002		Bảo vệ thực vật	
21	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2011151	Đặng Quốc Bảo	18/04/2002		Bảo vệ thực vật	
22	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2011154	Phạm Thanh Danh	08/08/2002		Bảo vệ thực vật	
23	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2011157	Neáng Srây Dúth	24/10/2000	N	Bảo vệ thực vật	
24	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2011162	Trần Quốc Hoài	20/05/2002		Bảo vệ thực vật	
25	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2011163	Trần Quốc Hùng	02/03/2002		Bảo vệ thực vật	
26	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2011166	Nguyễn Duy Khánh	14/10/2002		Bảo vệ thực vật	
27	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2011169	Phạm Duy Lân	22/04/2002		Bảo vệ thực vật	
28	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2011170	Đỗ Minh Luân	15/07/2002		Bảo vệ thực vật	
29	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2011184	Nguyễn Lê Nhựt Tân	28/10/2002		Bảo vệ thực vật	
30	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2011185	Đặng Phương Thành	21/01/2002		Bảo vệ thực vật	
31	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2011190	Lê Nhả Trân	25/05/2002	N	Bảo vệ thực vật	
32	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2011242	Dương Nhật Trương	21/03/2002		Bảo vệ thực vật	
33	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2011245	Lê Thành Vàng	25/09/2002		Bảo vệ thực vật	
34	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2011250	Nguyễn Quốc Bình	11/11/2002		Bảo vệ thực vật	
35	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2011259	Nguyễn Phúc Hậu	29/09/2002		Bảo vệ thực vật	
36	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2011261	Nguyễn Quang Huy	10/07/2002		Bảo vệ thực vật	
37	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2011264	Nguyễn Duy Khánh	14/04/2002		Bảo vệ thực vật	
38	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2011269	Nguyễn Phạm Hồng Mai	31/01/2002	N	Bảo vệ thực vật	
39	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2011274	Hà Lê Uyên Nhi	29/08/2002	N	Bảo vệ thực vật	
40	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2011275	Nguyễn Thị Huỳnh Như	11/10/2002	N	Bảo vệ thực vật	
41	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2011280	Tăng Hà Phương Quyên	18/09/2002	N	Bảo vệ thực vật	
42	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2011283	Trần Châu Ngọc Thanh	29/10/2002	N	Bảo vệ thực vật	
43	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2011287	Nguyễn Minh Toàn	21/12/2002		Bảo vệ thực vật	
44	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2011291	Lương Nhật Trường	05/11/2002		Bảo vệ thực vật	

TT	Đơn vị	Số Quyết định	Ngày ký	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Nữ	Tên ngành	Tên chuyên ngành
45	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2011296	Cao Y	14/11/2002		Bảo vệ thực vật	
46	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2102739	Nguyễn Thanh Khiết	20/06/2003		Bảo vệ thực vật	
47	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2102747	Huỳnh Trung Lãm	03/10/2003		Bảo vệ thực vật	
48	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2102750	Nguyễn Tấn Lộc	15/01/2003		Bảo vệ thực vật	
49	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2102762	Nguyễn Thị Yến Nhi	29/01/2003	N	Bảo vệ thực vật	
50	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2102766	Huỳnh Phi Phàm	10/08/2003		Bảo vệ thực vật	
51	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2102769	Phạm Hoài Phong	19/01/2003		Bảo vệ thực vật	
52	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2102772	Trần Thị Kim Quanh	04/01/2003	N	Bảo vệ thực vật	
53	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2102774	Lê Văn Quý	19/06/2003		Bảo vệ thực vật	
54	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2102782	Võ Thị Nhựt Thu	14/05/2003	N	Bảo vệ thực vật	
55	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2102786	Phạm Thị Minh Thương	05/02/2003	N	Bảo vệ thực vật	
56	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2102791	Huỳnh Hữu Trọng	29/07/2003		Bảo vệ thực vật	
57	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2107095	Trần Triệu Vy	25/10/2003	N	Bảo vệ thực vật	
58	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2109554	Nguyễn Hoàng Khang	24/08/2003		Bảo vệ thực vật	
59	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2109562	Nguyễn Hữu Nghị	13/07/2003		Bảo vệ thực vật	
60	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2109566	Phan Nguyễn Khánh Nguyên	28/07/2003		Bảo vệ thực vật	
61	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2109571	Nguyễn Tấn Phát	20/07/2003		Bảo vệ thực vật	
62	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2109577	Lý Nhật Thanh	03/05/2003		Bảo vệ thực vật	
63	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2109590	Trần Thị Phương Uyên	22/06/2003	N	Bảo vệ thực vật	
64	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B1805949	Trần Thị Ngọc Bích	26/07/2000	N	Chăn nuôi	
65	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B1906890	Lê Tấn Lộc	09/09/2001		Chăn nuôi	
66	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B1906899	Nguyễn Thị Quỳnh Như	01/01/2001	N	Chăn nuôi	
67	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B1906916	Trần Phan Quế Trân	14/09/2001	N	Chăn nuôi	
68	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B1906918	Nguyễn Anh Văn	29/03/2001		Chăn nuôi	
69	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B1906922	Nguyễn Ngọc Như Ý	08/06/2001	N	Chăn nuôi	
70	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2003963	Mai Hà Hồng Nhẫn	25/04/2002		Chăn nuôi	
71	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2012294	Nguyễn Hạnh Đoan	06/09/2002	N	Chăn nuôi	
72	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2012295	Nguyễn Hữu Đức	06/02/2002		Chăn nuôi	
73	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2012298	Lê Văn Hoàng	21/05/2002		Chăn nuôi	
74	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2012304	Đoàn Nguyễn Khải Kiều	08/05/2002	N	Chăn nuôi	
75	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2012313	Chưởng Đông Phát	21/09/2002		Chăn nuôi	
76	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2012349	Nguyễn Vũ Hoài Nam	31/03/2002		Chăn nuôi	
77	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2012357	Lê Văn Trọng Phú	09/03/2002		Chăn nuôi	
78	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2103586	Nguyễn Thanh Bình	03/10/2003		Chăn nuôi	
79	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2103587	Trần Xuân Chung	10/11/2003		Chăn nuôi	
80	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2103588	Lương Nguyễn Nhật Cường	30/04/2003		Chăn nuôi	
81	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2103589	Lâm Khánh Duy	14/08/2003		Chăn nuôi	
82	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2103599	Nguyễn Nhật Hào	10/01/2002		Chăn nuôi	
83	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2103618	Lưu Thị Trúc Mai	29/10/2003	N	Chăn nuôi	
84	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2103622	Đỗ Ngọc Kim Ngân	17/01/2003	N	Chăn nuôi	
85	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2103637	Lâm Hiếu Phúc	04/03/2003		Chăn nuôi	
86	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2103657	Võ Nguyên Ngọc Trân	11/09/2003	N	Chăn nuôi	
87	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2103661	Nguyễn Hoàng Phi Tuyết	14/01/2003	N	Chăn nuôi	
88	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2103680	Sơn Thị Hồng Duyên	22/11/2003	N	Chăn nuôi	
89	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2103703	Nguyễn Thị Nhã Linh	20/09/2003	N	Chăn nuôi	
90	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2103706	Lê Nguyễn Tuyết Mai	05/08/2003	N	Chăn nuôi	
91	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2103714	Đặng Thị Bích Ngọc	07/05/2003	N	Chăn nuôi	

TT	Đơn vị	Số Quyết định	Ngày ký	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Nữ	Tên ngành	Tên chuyên ngành
92	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2103717	Tiền Thảo Nguyên	04/08/2003	N	Chăn nuôi	
93	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2103742	Phạm Thị Đào Tiên	13/07/2003	N	Chăn nuôi	
94	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2103743	Đặng Minh Tiến	21/04/2003		Chăn nuôi	
95	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2110159	Phan Hồng Cường	19/11/2003		Chăn nuôi	
96	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2110160	Dương Khánh Duy	14/04/2003		Chăn nuôi	
97	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2110163	Trần Thị Tố Hảo	21/09/2003	N	Chăn nuôi	
98	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2110164	Trương Ngọc Hân	24/05/2003	N	Chăn nuôi	
99	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2110170	Trần Vĩ Kha	26/10/2003		Chăn nuôi	
100	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2110175	Đặng Lâm Nguyên	27/07/2003		Chăn nuôi	
101	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2110179	Trần Minh Phú	19/03/2003		Chăn nuôi	
102	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2110184	Ngô Duy Tân	07/01/2003		Chăn nuôi	
103	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2110186	Trần Thị Anh Thư	22/10/2003	N	Chăn nuôi	
104	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2110189	Nguyễn Thị Ngọc Trúc	02/10/2003	N	Chăn nuôi	
105	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2110195	Lê Quốc Cường	24/02/2003		Chăn nuôi	
106	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2110199	Lại Thị Lin Đa	05/10/2003	N	Chăn nuôi	
107	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2110226	Nguyễn Công Trứ	26/11/2003		Chăn nuôi	
108	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2110227	Lê Hoàng Tưởng	03/05/2003		Chăn nuôi	
109	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B1609041	Nguyễn Võ Trung Nghĩa	03/08/1998		Công nghệ rau hoa quả và cảnh quan	
110	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B1811908	Lê Hoài Tuấn	02/04/2000		Công nghệ rau hoa quả và cảnh quan	
111	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2016679	Trần Thị Hạnh	01/02/2001	N	Công nghệ rau hoa quả và cảnh quan	
112	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2006890	Trần Đăng Khoa	27/03/2002		Khoa học cây trồng	Nông nghiệp công nghệ cao
113	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2006891	Trần Trung Kiên	07/12/2002		Khoa học cây trồng	Nông nghiệp công nghệ cao
114	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2006923	Nguyễn Thị Ngọc Hân	28/12/2002	N	Khoa học cây trồng	Nông nghiệp công nghệ cao
115	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2006937	Dương Huỳnh Nhu	11/12/2002	N	Khoa học cây trồng	Nông nghiệp công nghệ cao
116	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2016608	Trần Phước An	16/07/2002		Khoa học cây trồng	Nông nghiệp công nghệ cao
117	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2016617	Nguyễn Nhựt Huy	07/05/2002		Khoa học cây trồng	Nông nghiệp công nghệ cao
118	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2016625	Trần Quang Duy Minh	28/09/2002		Khoa học cây trồng	Nông nghiệp công nghệ cao
119	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2016638	Trần Bá Tồn	03/09/2002		Khoa học cây trồng	Nông nghiệp công nghệ cao
120	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2016655	Lê Hoàng Khánh	16/05/2002		Khoa học cây trồng	Nông nghiệp công nghệ cao
121	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2106393	Huỳnh Văn Huy	22/05/2003		Khoa học cây trồng	Nông nghiệp công nghệ cao
122	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2106500	Trần Thanh Phú	28/04/2003		Khoa học cây trồng	Nông nghiệp công nghệ cao
123	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2106518	Huỳnh Uy Tín	29/04/2001		Khoa học cây trồng	Nông nghiệp công nghệ cao
124	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2113055	Nguyễn Bình Dư	05/08/2003		Khoa học cây trồng	Nông nghiệp công nghệ cao
125	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2113058	Phan Huy Hoàng	14/10/2003		Khoa học cây trồng	Nông nghiệp công nghệ cao
126	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2006897	Nguyễn Thiện Nhân	17/07/2002		Khoa học cây trồng	
127	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2006918	Nguyễn Ngọc Chúc	13/06/2001	N	Khoa học cây trồng	
128	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2016618	Nguyễn Thị Mỹ Huyền	25/08/2002	N	Khoa học cây trồng	
129	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2016620	Nguyễn Trung Hữu	15/03/2002		Khoa học cây trồng	
130	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2016632	Trần Huỳnh Như	03/05/2002	N	Khoa học cây trồng	
131	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2016656	Tô Lê Huỳnh Kim	02/01/2002		Khoa học cây trồng	
132	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2016660	Nguyễn Thanh Nam	05/12/2002		Khoa học cây trồng	
133	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2003041	Trần Thị Trúc Huỳnh	17/03/2002	N	Khoa học đất	Quản lý đất và công nghệ phân bón
134	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2102600	Mộc Thị Thúy Kiều	08/01/2003	N	Khoa học đất	Quản lý đất và công nghệ phân bón
135	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2102602	Nguyễn Thị Trúc Linh	10/03/2003	N	Khoa học đất	Quản lý đất và công nghệ phân bón
136	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2107092	Phan Nguyễn Luân	27/07/2003		Khoa học đất	Quản lý đất và công nghệ phân bón
137	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2109477	Huỳnh Thị Kim Ngân	05/01/2003	N	Khoa học đất	Quản lý đất và công nghệ phân bón
138	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B1801153	Phạm Trần Khai Trí	06/02/1998		Nông học	

TT	Đơn vị	Số Quyết định	Ngày ký	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Nữ	Tên ngành	Tên chuyên ngành
139	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B1901386	Nguyễn Trần Đà	08/10/2001		Nông học	
140	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B1901390	Thạch Nguyễn Phương Hà Giang	02/09/2001	N	Nông học	
141	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2001214	Nguyễn Thị Kiều Diễm	30/03/2002	N	Nông học	
142	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2001225	Nguyễn Kim Ngọc	19/01/2002	N	Nông học	
143	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2001251	Nguyễn Chí Lộc	02/02/2002		Nông học	
144	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2008745	Nguyễn Lê Khương	25/08/2002		Nông học	
145	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2008771	Đỗ Nguyễn Gia Khang	01/10/2002		Nông học	
146	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B1809777	Tô Đông Khoa	21/08/2000		Sinh học ứng dụng	
147	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2015035	Huỳnh Lê Minh Khôi	14/07/2002		Sinh học ứng dụng	
148	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2015053	Trần Xuân Vy	10/02/2002	N	Sinh học ứng dụng	
149	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B1805426	Nguyễn Như Quỳnh	31/07/2000	N	Thú y	
150	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B1904713	Nguyễn Thái Bảo	12/07/2001		Thú y	
151	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B1904714	Nguyễn Dương Cảnh	27/02/2001		Thú y	
152	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B1904748	Võ Thị Diễm Khoa	02/05/2000	N	Thú y	
153	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B1904851	Nguyễn Trần Hương Giang	04/12/2001	N	Thú y	
154	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2000098	Nguyễn Võ Kim Ngân	06/06/2001	N	Thú y	
155	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2000099	Nguyễn Cẩm Mai Vi	15/06/2001	N	Thú y	
156	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2002849	Nguyễn Phượng Anh	01/03/2002	N	Thú y	
157	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2002850	Lê Thị Thúy Ái	20/05/2002	N	Thú y	
158	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2002851	Chau Sóc Binh	13/04/2002		Thú y	
159	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2002853	Võ Anh Linh Diệu	22/09/2002	N	Thú y	
160	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2002855	Trần Đức Duy	12/06/2002		Thú y	
161	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2002857	Lê Hải Đăng	30/11/2002		Thú y	
162	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2002860	Võ Trung Hậu	01/08/2002		Thú y	
163	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2002861	Thạch Minh Hoàng	01/02/2002		Thú y	
164	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2002862	Nguyễn Nhựt Huy	11/09/2002		Thú y	
165	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2002864	Lê Hoàng Phú Hữu	16/06/2002		Thú y	
166	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2002865	Trần Hồng Khánh	30/09/2002	N	Thú y	
167	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2002872	Nguyễn Hoàng Minh	03/10/2002		Thú y	
168	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2002875	Nguyễn Thị Kim Ngân	19/05/2002	N	Thú y	
169	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2002884	Nguyễn Hồng Phấn	26/07/2002	N	Thú y	
170	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2002889	Võ Văn Duy Tân	10/09/2002		Thú y	
171	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2002892	Nguyễn Thị Xuân Thiện	31/12/2002	N	Thú y	
172	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2002900	Đoàn Thị Thiên Tiên	15/03/2000	N	Thú y	
173	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2002902	Nguyễn Trí Toàn	12/02/2002		Thú y	
174	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2002905	Nguyễn Ngọc Trí	28/08/2001		Thú y	
175	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2002910	Nguyễn Đỗ Ngọc Anh	29/07/2002	N	Thú y	
176	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2002914	Châu Ngọc Diệp	09/07/2002	N	Thú y	
177	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2002915	Nguyễn Ngọc Phương Dung	27/10/2002	N	Thú y	
178	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2002921	Nguyễn Công Hậu	03/04/2002		Thú y	
179	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2002922	Thạch Võ Trung Hiếu	12/08/2002		Thú y	
180	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2002923	Nguyễn Hoàng Huy	05/08/2002		Thú y	
181	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2002927	Phạm Văn Khiêm	21/04/2002		Thú y	
182	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2002929	Nguyễn Thị Cẩm Lil	03/03/2002	N	Thú y	
183	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2002930	Quách Ngọc Linh	26/07/2002	N	Thú y	
184	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2002936	Nguyễn Thị Ngân	02/07/2001	N	Thú y	
185	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2002942	Phạm Ngọc Nhung	19/10/2002	N	Thú y	

TT	Đơn vị	Số Quyết định	Ngày ký	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Nữ	Tên ngành	Tên chuyên ngành
186	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2002944	Néang Đa Ni	29/07/2002	N	Thú y	
187	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2002945	Nguyễn Tấn Phát	20/01/2002		Thú y	
188	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2002948	Trần Ngọc Sen	23/09/2002	N	Thú y	
189	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2002963	Nguyễn Nhật Toàn	19/12/2002		Thú y	
190	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2002964	Nguyễn Huyền Trang	25/06/2002	N	Thú y	
191	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2002966	Trần Thị Thảo Trân	08/03/2002	N	Thú y	
192	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2002969	Phạm Văn Tủ	09/02/2002		Thú y	
193	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2002970	Phạm Tường Vi	20/06/2002	N	Thú y	
194	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2007358	Trần Văn Vĩ	28/12/2002		Thú y	
195	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2010846	Sơn Nguyễn Trâm Anh	03/10/2002	N	Thú y	
196	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2010847	Nguyễn Khả Ái	03/05/2002	N	Thú y	
197	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2010848	Dương Văn Bằng	19/12/2002		Thú y	
198	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2010852	Hồ Thị Thúy Duy	12/04/2002	N	Thú y	
199	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2010855	Phạm Cẩm Đoan	07/03/2002	N	Thú y	
200	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2010856	Lương Trần Độc	11/12/2002		Thú y	
201	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2010861	Nguyễn Thị Ngọc Hân	12/07/2002	N	Thú y	
202	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2010862	Lê Võ Trung Hậu	18/05/2002		Thú y	
203	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2010863	Nguyễn Thị Thu Hiền	22/07/2002	N	Thú y	
204	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2010869	Trương Tường Hữu	04/03/2002		Thú y	
205	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2010873	Trần Hoàng Khôi	16/05/2002		Thú y	
206	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2010875	Lê Thùy Linh	03/07/2002	N	Thú y	
207	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2010877	Trần Hoàng Lộc	27/01/2002		Thú y	
208	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2010883	Lê Thị Như Mộng	24/12/2002	N	Thú y	
209	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2010886	Nguyễn Thanh Ngân	28/04/2002	N	Thú y	
210	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2010890	Lê Văn Ngon	30/04/2002		Thú y	
211	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2010893	Trần Như Ngọc	10/03/2002	N	Thú y	
212	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2010895	Trần Thị Cẩm Nguyên	12/05/2002	N	Thú y	
213	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2010897	Nguyễn Thiên Nhẫn	06/07/2002		Thú y	
214	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2010898	Nguyễn Thảo Nhi	23/09/2002	N	Thú y	
215	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2010900	Liêu Thị Cẩm Nhung	24/09/2002	N	Thú y	
216	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2010902	Nguyễn Thùy Như	13/10/2002	N	Thú y	
217	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2010909	Nguyễn Thị Mai Phương	26/08/2002	N	Thú y	
218	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2010910	Quảng Nhị Phương Quang	17/03/2002		Thú y	
219	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2010911	Nguyễn Phạm Nhã Quân	28/03/2002	N	Thú y	
220	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2010915	Nguyễn Thị Như Quỳnh	06/11/2002	N	Thú y	
221	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2010917	Nguyễn Anh Tài	05/10/2002		Thú y	
222	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2010918	Trương Tú Tài	21/12/2002		Thú y	
223	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2010922	Ngô Ngọc Mai Thi	01/01/2002	N	Thú y	
224	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2010923	Phan Thị Nhựt Thi	18/09/2002	N	Thú y	
225	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2010924	Trương Hoàng Thiện	18/10/2002		Thú y	
226	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2010925	Võ Phước Thịnh	11/07/2002		Thú y	
227	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2010928	Nguyễn Thị Minh Thư	31/03/2002	N	Thú y	
228	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2010932	Nguyễn Thị Diễm Trang	20/11/2002	N	Thú y	
229	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2010934	Lê Thị Huỳnh Trân	22/02/2002	N	Thú y	
230	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2010935	Nguyễn Hồ Bảo Trân	10/10/2002	N	Thú y	
231	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2010938	Nguyễn Cao Trí	01/01/2002		Thú y	
232	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2010939	Nguyễn Xuân Trọng	15/03/2002		Thú y	

TT	Đơn vị	Số Quyết định	Ngày ký	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Nữ	Tên ngành	Tên chuyên ngành
233	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2010940	Phan Minh Truyền	01/02/2002		Thú y	
234	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2010945	Phạm Tú Uyên	29/04/2002	N	Thú y	
235	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2010950	Lê Như Ý	25/02/2002	N	Thú y	
236	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2010951	Nguyễn Hoàng Anh	16/03/2002		Thú y	
237	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2010952	Võ Ngọc Trâm Anh	15/05/2002	N	Thú y	
238	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2010956	Nguyễn Việt Cường	14/07/2002		Thú y	
239	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2010957	Võ Thị Thùy Dung	05/10/2002	N	Thú y	
240	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2010958	Huỳnh Thị Mỹ Duy	29/09/2002	N	Thú y	
241	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2010960	Đặng Nguyễn Hải Đăng	26/08/2002		Thú y	
242	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2010964	Phan Nguyên Hạo	17/05/2002		Thú y	
243	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2010968	Nguyễn Văn Hiếu	22/08/2002		Thú y	
244	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2010969	Phạm Thị Mỹ Hiền	12/07/2002	N	Thú y	
245	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2010971	Trần Minh Huy	14/10/2002		Thú y	
246	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2010972	Lê Minh Hùng	29/06/2002		Thú y	
247	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2010973	Huỳnh Tuấn Hưng	21/12/2002		Thú y	
248	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2010975	Lê Yến Kha	04/08/2002	N	Thú y	
249	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2010976	Thái Minh Kha	16/04/2002		Thú y	
250	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2010977	Huỳnh Hoàng Khá	27/08/2002		Thú y	
251	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2010978	Trần Đình Khôi	10/08/2002		Thú y	
252	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2010981	Mai Vũ Linh	31/12/2002		Thú y	
253	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2010983	Trần Tuấn Lộc	08/02/2002		Thú y	
254	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2010984	Trần Vũ Luân	31/03/2002		Thú y	
255	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2010990	Phan Thành Nam	17/12/2002		Thú y	
256	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2010991	Nguyễn Thanh Ngân	15/09/2002	N	Thú y	
257	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2010992	Nguyễn Thị Thanh Ngân	08/01/2002	N	Thú y	
258	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2010994	Trương Thanh Ngân	26/02/2002	N	Thú y	
259	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2010996	Đỗ Yến Ngọc	16/04/2001	N	Thú y	
260	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2010997	Lữ Huỳnh Ngọc	22/04/2002	N	Thú y	
261	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2010998	Nguyễn Huỳnh Gia Ngọc	10/11/2002	N	Thú y	
262	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2011001	Nguyễn Văn Nguyễn	12/11/2002		Thú y	
263	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2011002	Nguyễn Trí Nhân	04/01/2002		Thú y	
264	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2011005	Trương Minh Nhịn	16/04/2002		Thú y	
265	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2011006	Hồ Thảo Như	28/10/2002	N	Thú y	
266	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2011007	Nguyễn Thị Huỳnh Như	06/04/2002	N	Thú y	
267	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2011009	Lâm Văn Nhường	17/10/2001		Thú y	
268	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2011010	Trương Thị Kiều Ninh	13/10/2002	N	Thú y	
269	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2011011	Lưu Hoàng Phát	18/12/2002		Thú y	
270	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2011012	Trần Hoàng Phú	26/09/2002		Thú y	
271	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2011015	Trần Mỹ Phương	17/11/2002	N	Thú y	
272	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2011017	Nguyễn Văn Quốc	29/07/2002		Thú y	
273	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2011018	Nguyễn Trần Tú Quyên	14/06/2002	N	Thú y	
274	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2011022	Hứa Quang Sơn	21/05/2002		Thú y	
275	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2011023	Thái Thành Tài	24/09/2002		Thú y	
276	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2011024	Cao Phúc Tâm	19/05/2002		Thú y	
277	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2011025	Nguyễn Duy Thanh	06/12/2002		Thú y	
278	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2011028	Nguyễn Thị Cẩm Thi	27/06/2002	N	Thú y	
279	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2011029	Nguyễn Thanh Thiên	28/02/2002		Thú y	

TT	Đơn vị	Số Quyết định	Ngày ký	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Nữ	Tên ngành	Tên chuyên ngành
280	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2011032	Lâm Ngọc Thúy	06/06/2002	N	Thú y	
281	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2011035	Trương Thị Cẩm Tiên	28/01/2002	N	Thú y	
282	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2011036	Trần Hải Toàn	06/05/2002		Thú y	
283	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2011038	Trần Thị Kiều Trang	14/01/2002	N	Thú y	
284	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2011042	Tô Lê Quế Trân	29/09/2002	N	Thú y	
285	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2011044	Nguyễn Minh Trí	15/12/2002		Thú y	
286	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2011046	Nguyễn Thị Thanh Trúc	08/11/2002	N	Thú y	
287	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2011048	Ngô An Trường	01/11/2002		Thú y	
288	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2011050	Nguyễn Thanh Phương Uyên	23/07/2002	N	Thú y	
289	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2011051	Đặng Lê Văn	23/08/1992		Thú y	
290	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2011052	Nguyễn Bùi Phương Vi	25/09/2002	N	Thú y	
291	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2011053	Nguyễn Hoàng Việt	06/04/2002		Thú y	
292	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2011054	Vương Diễm Vy	13/01/2002	N	Thú y	
293	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	C2000002	Nguyễn Nhật Duy	19/08/1999		Thú y	
294	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	C2000003	Lê Văn Hữu Dư	22/07/1999		Thú y	
295	NN	56/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	C2000019	Hà Minh Thịnh	29/04/1999		Thú y	

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ